

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/DS-ST
Ngày: 16-4-2019
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh T Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Hoa
2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 746/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐ-ST ngày 25/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, Tòa nhà T, số 9 VB, Phường T, Quận T, TP.HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lô Bằng G** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành Viên của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân Hàng VNTV.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị Mỹ Hạnh** – Chức vụ: Trưởng nhóm tổ tụng-Phòng Thu hồi nợ pháp lý – Trung tâm thu hồi nợ - Khối quản trị rủi ro - Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân Hàng VNTV (Văn bản ủy quyền số 80/UQ-VH.18 ngày 13/6/2018)

Bà Phạm Thị Mỹ H ủy quyền lại cho bà **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1996; Địa chỉ liên lạc: đường số 7, khu dân cư L, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia tố tụng. (Theo văn bản ủy quyền số 1296/UQTA-VH.18 ngày 30/10/2018) (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện N, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2018, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (viết tắt là Công ty Tài chính) do bà Nguyễn Kim T làm đại diện trình bày: Ngày 23/01/2016, ông Nguyễn Minh T có ký văn bản đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-4519 với Công ty Tài chính vay số tiền 31.816.159 đồng (Ba mươi một triệu tám trăm mười sáu nghìn một trăm năm mươi chín đồng), với lãi suất thoả thuận cho vay 3,75%/ tháng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Theo thoả thuận trong hợp đồng nêu trên, ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm thanh toán số tiền 59.212.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.625.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.337.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/3/2016.

Thực hiện hợp đồng này, khách hàng đã nhận đủ số tiền vay để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty Tài chính 08 kỳ tổng cộng số tiền là 11.375.000 đồng. Kể từ ngày 15/6/2018 cho đến nay, ông Nguyễn Minh T không thanh toán thêm bất cứ khoản T nào, dù Công ty Tài chính đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do ông Nguyễn Minh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty Tài chính khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh T thanh lý hợp đồng tín dụng nêu trên và trả một lần cho Công ty Tài chính toàn bộ số tiền vay còn nợ là 47.837.000 đồng, bao gồm các khoản sau:

Trả toàn bộ khoản nợ gốc: 25.336.027 đồng.

Trả toàn bộ khoản nợ lãi: 22.500.973 đồng.

Các khoản lãi theo thoả thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng nêu trên đã chấm dứt không còn phát sinh nữa kể cả trong giai đoạn thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện Công ty Tài chính khởi kiện yêu cầu trả số T nợ vay gồm cả gốc và lãi là 47.837.000 đồng, nhưng ông T vẫn không có văn bản ý kiến trình bày.

Về chứng cứ của bị đơn: Do ông T luôn vắng mặt nên không xuất trình chứng cứ, đồng thời không tiến hành hoà giải được cũng như không thực hiện được quyền tranh luận tại toà để chứng minh cho quyền lợi của mình là lỗi của bị đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Minh T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công Ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh T phải thanh toán số T nợ vay 47.837.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) theo văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160129-105014-0379 ngày 23/01/2016. Do tranh chấp giữa tổ chức với cá nhân, bị đơn là ông T cư trú tại ấp H, xã P, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về cho vay tài sản” mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Từ khi thụ lý vụ kiện, Tòa án tiến hành niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn là ông Nguyễn Minh T vẫn vắng mặt, nên không viết bản tự khai và Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Đại diện của nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án, nên căn cứ khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ kiện được. Sau khi tiến hành các thủ tục niêm yết công khai như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Tòa sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Đại diện của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn là ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đại diện của nguyên đơn và bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được đại diện của nguyên đơn trình bày:

[4.1] Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án trên những chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án xác định giữa Công Ty Tài chính và ông Nguyễn Minh T có xác lập văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-4519 ngày 23/01/2016. Xét thấy, văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nêu trên được xác lập theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử nhận định đây là các hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4.2] Do ông Nguyễn Minh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số nêu trên nên Công ty Tài chính khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh nợ gốc, nợ lãi tổng cộng là 47.837.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về mức lãi suất cho vay là 3.75%/tháng và cách tính lãi theo thỏa thuận giữa Công ty Tài Chính với ông T được áp dụng đúng như hai bên thỏa thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160123-500000-4519 ngày 23/01/2016 là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 11 quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành kèm theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001, được sửa đổi, bổ sung tại quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) nên có căn cứ chấp nhận.

[4.4] Về lãi suất chậm thi hành án: Đại diện của nguyên đơn xác định các khoản lãi theo thỏa thuận trong văn bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nêu trên đã chấm dứt không còn phát sinh nữa kể cả trong giai đoạn thi hành án, nên ông T không phải chịu lãi suất chậm trả trên số T còn nợ trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị đơn là ông Nguyễn Minh T phải chịu 2.391.850 đồng T án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả số T tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 16 Điều 4, Điều 11, Điều 91, Điều 93, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Mục 3 phần I Thông tư liên tịch 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính – TAND Tối cao – VKSND Tối cao hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng VNTV đối với ông Nguyễn Minh T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Buộc ông Nguyễn Minh T phải trả cho Công

ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên VNTV số tiền nợ vay là 47.837.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 25.336.027 đồng, nợ lãi là 22.500.973 đồng.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Ông Nguyễn Minh T không phải chịu lãi suất chậm trả trên số tiền còn nợ trong giai đoạn thi hành án.

3. Về án phí:

3.1 Buộc ông Nguyễn Minh T phải nộp 2.391.850 đồng (Hai triệu ba trăm chín mươi một nghìn tám trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3.2 Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng không phải chịu T án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng do bà Nguyễn Kim T nộp thay là 1.196.000 đồng (Một triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003910 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

4. Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đình T Phương